

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Văn và ông Đào Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Lâm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 276/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn M**, sinh năm 1987; CCCD số 03087007257, cấp ngày 26/5/2025 tại **Cục C** về TTXH; địa chỉ hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: **Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng**. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988; CCCD số 030188006934, cấp ngày 19/4/2023; địa chỉ hộ khẩu thường trú: **Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng**. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông **Vũ Văn T**, sinh năm 1960; địa chỉ: **Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Vũ Văn M** trình bày:

Anh và chị **Nguyễn Thị N** tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 13/11/2006 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại **Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng**. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách nhìn nhận cuộc sống, không phù hợp; tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã sống ly thân,

không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh M xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh M1 trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Huy H, sinh ngày 25/7/2009 và cháu Vũ Minh N1, sinh ngày 06/5/2014. Hiện các cháu đang ở với anh M1. Khi ly hôn, anh M1 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh M1 không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt, không tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cho đến phiên tòa.

Các cháu Vũ Huy H và Vũ Minh N1 có đơn trình bày nguyện vọng, đều đề nghị được ở với bố là anh Vũ Văn M nếu bố mẹ ly hôn.

Ông Vũ Văn T là bố đẻ của anh M trình bày hiện hai cháu H, N1 đang ở cùng anh M; gia đình nội sẵn sàng hỗ trợ anh M trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án; Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, không xác định được địa chỉ hiện tại của bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, cho anh M được ly hôn với chị N; Về con chung: Giao cháu Vũ Huy H, sinh ngày 25/7/2009 và cháu Vũ Minh N1, sinh ngày 06/5/2014 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Anh Minh phải chịu 300.000đ án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Anh **Vũ Văn M** khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị **Nguyễn Thị N**, có nơi cư trú tại **Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng**. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có địa chỉ đăng ký thường trú tại **Thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng**. Kết quả xác minh cho thấy không có thông tin bị đơn xuất cảnh ra nước ngoài. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh **Vũ Văn M** và chị **Nguyễn Thị N** đăng ký kết hôn ngày 13/11/2006 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương** (nay là **UBND xã T, thành phố Hải Phòng**), việc kết hôn là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của anh **M** thấy rằng: Anh **Minh xác Đ** vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài, không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và không thể đoàn tụ. Chị **N** trong suốt quá trình tố tụng không có văn bản gửi tới tòa án hoặc đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện, không tham gia tố tụng, không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng không tổ chức hòa giải được do bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải cũng như vắng mặt tại tất cả các phiên tòa. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cũng xác định, anh chị xảy ra mâu thuẫn kể từ khi anh **M** trở về sau khi xuất khẩu lao động. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh **M** và chị **N** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh **M**, cho anh **M** được ly hôn chị **N** theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: **Anh M1** và **chị N** có 02 con chung là cháu **Vũ Huy H**, sinh ngày 25/7/2009 và cháu **Vũ Minh N1**, sinh ngày 06/5/2014. Khi giải quyết việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, điều kiện thực tế của cha, mẹ và nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên theo Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Các cháu **Vũ Huy H** và **Vũ Minh N1** đều đã trên 07 tuổi, có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố là anh **M1**. Từ trước đến nay các cháu đang sinh sống ổn định cùng anh **M1** tại địa phương. Anh **M1** có nơi ở, có thu nhập và được gia đình hỗ trợ chăm sóc con. Chị **N** vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng minh điều kiện trực tiếp nuôi con tốt hơn và không thể hiện rõ việc bảo đảm ổn định nơi ăn, ở, học tập cho các con. Vì vậy,

để bảo đảm ổn định cuộc sống, học tập và tâm lý của các cháu, cần giao cả hai con chung cho anh **M1** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Minh đã được giải thích quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con. Xét anh **M1** tự nguyện chưa yêu cầu cấp dưỡng trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không buộc chị **N** phải cấp dưỡng nuôi con. Chị **N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở;

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Yêu cầu ly hôn của anh **M1** được chấp nhận nên anh **M1** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh **M1** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006188 ngày 11/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Vũ Văn M.**
2. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh **Vũ Văn M** được ly hôn chị **Nguyễn Thị N.**
3. Về con chung: Giao cháu **Vũ Huy H**, sinh ngày 25/7/2009 và cháu **Vũ Minh N1**, sinh ngày 06/5/2014 cho anh **Vũ Văn M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh **M** không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị **Nguyễn Thị N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị **N** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi có căn cứ, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này do các đương sự không yêu cầu.

5. Về án phí: Anh **Vũ Văn M** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh **M** đã nộp theo biên lai thu số 0006188 ngày 11/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. **Anh M1** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Thượng Hồng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường